TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2024/DS-ST
Ngày: 31-5-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trường Hận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Ngô Văn Thum.

2. Bà Phạm Thị Cẩm Hà.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phan Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa***: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 5 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức trực tuyến (Điểm cầu trung tâm: *Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang; địa chỉ: khu phố B, thị trấn T, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Điểm cầu thành phần: xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang)* vụ án thụ lý số 191/2024/TLST-DS, ngày 04/12/2023 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2024/QĐXXST-DS ngày 15/4/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2024/QĐST-DS ngày 10/5/2024, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Mỹ N, sinh năm 1964; địa chỉ: ấp R, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Hoàng D, sinh năm 1968; địa chỉ: ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau. *Có mặt tại điểm cầu trung tâm.*

2- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị N1, sinh năm 1982; địa chỉ: Ấp R, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang. *Có mặt tại điểm cầu thành phần: xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:* Ngày 08/8/2023 chị N1 có vay 10.000.000 đồng để mua thức ăn cho heo (lợn), thỏa thuận trả góp 6 lần, mỗi lần 2.000.000 đồng trong 30 ngày, chị N1 trả còn lại 4.800.000 đồng. Đến ngày 01/9/2023 chị N1 nói nhà chỉ có 01 chiếc xe, chồng đi làm không có xe đưa con đi học, chị định mua thêm chiếc xe nhưng không đủ tiền nên mượn thêm 10.000.000 đồng và hứa sẽ trả đủ tiền trước sau. Nhưng sau đó chị cứ hẹn lần này đến lần khác không thực hiện. Theo đơn bà N yêu cầu chị N1 trả số tiền còn lại là 14.800.000 đồng và tiền lãi của số tiền 10.000.000 đồng, kể từ ngày nhận tiền là 01/9/2023.

Tại phiên tòa, đại diện của nguyên đơn yêu cầu: Yêu cầu chị N1 trả số tiền còn lại là 14.800.000 đồng, không yêu cầu tính lãi đối với số tiền 10.000.000 đồng nhận ngày 01/9/2023.

- *Tại tờ tường trình bị đơn chị N1 trình bày:* Ngày 11/9/2023 chị N1 có vay của bà N 10.000.000 đồng, lãi mỗi ngày 100.000 đồng và ngày 20/7/2023 có vay 10.000.000 đồng tiền góp, góp mỗi ngày 400.000 đồng. Nhưng đã góp được 6.800.000 đồng, còn nợ lại 3.200.000 đồng. Bà N kiện đòi 14.800.000 đồng là không đúng sự thật. Thống nhất trả mỗi tháng 500.000 đồng.

Tại phiên tòa, chị N1 trình bày: Chị N1 vay tiền của bà N là có thật, nhưng đã trả được tiền góp còn lại 3.800.000 đồng, nhưng không có chứng cứ gì chứng minh. Nay bà N yêu cầu trả 14.800.000 đồng vẫn thống nhất số nợ này và đồng ý trả cho bà N 14.800.000 đồng, xin cho trả góp mỗi tháng 500.000 đồng đến khi hết số tiền 14.800.000 đồng.

- *Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng. Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là bà N, buộc bị đơn là chị N1 trả số tiền 14.800.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn và bị đơn có hợp đồng vay tiền nhưng xảy ra tranh chấp, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu thanh toán, do đó xác định quan hệ pháp luật là *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Nguyên đơn là bà N yêu cầu chị N1 trả tiền vay và tiền lãi, nhưng tại phiên tòa người đại diện của nguyên đơn rút yêu cầu đối với tiền lãi của phần tiền góp, chỉ

yêu cầu số tiền nợ còn lại là 14.800.000 đồng, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu đã rút, chỉ giải quyết phần yêu cầu còn lại.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã giải thích các trường hợp được trợ giúp pháp lý miễn phí nhưng các đương sự xác định không ai thuộc đối tượng được trợ giúp pháp lý miễn phí.

Bị đơn vắng mặt trong các phiên hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn là chị N1 có đủ điều kiện xét xử theo hình thức trực tuyến nên Tòa án tổ chức phiên tòa trực tuyến đối với chị N1.

[2] Nguyên đơn là bà N khởi kiện yêu cầu bị đơn là chị N1 trả số tiền 14.800.000 đồng. Chị N1 thừa nhận số tiền còn nợ và yêu cầu trả mỗi tháng 500.000 đồng. Căn cứ Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là tình tiết, sự kiện có thật, đương sự không cần phải chứng minh.

Các bên thừa nhận nợ nhưng không thỏa thuận được thời gian thanh toán nên Hội đồng xét xử không có cơ sở công nhận sự thỏa thuận của các đương sự mà phải buộc chị N1 trả cho bà N số tiền nợ là 14.800.000 đồng.

[3] Án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn chịu án phí đối với nghĩa vụ phải thanh toán số nợ là 14.800.000 đồng x 5% = 740.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 92, 147, 244, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; các Điều 6, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Trần Thị Mỹ N đối với chị Nguyễn Thị N1. Buộc chị Nguyễn Thị N1 trả cho bà Trần Thị Mỹ N số tiền 14.800.000 đồng (Mười bốn triệu tám trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành xong số tiền, hằng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu tính lãi của số tiền góp 10.000.000 đồng nhận ngày 01/9/2023.

2- Án phí sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị N1 chịu án phí là 740.000 đồng (Bảy trăm bốn mươi nghìn đồng).

Hoàn trả cho bà Trần Thị Mỹ N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 370.000 đồng (Ba trăm bảy mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005029 ngày 04/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

3-Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Trường Hận